

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 183/2020/HS-ST
Ngày 01/7/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Phúc Tiếng.
2. Ông Nguyễn Văn Hạnh.

Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Bích Dịu, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Phạm Việt Bắc, Kiểm sát viên.

Ngày 01/7/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 159/2020/HS-ST ngày 02/6/2020, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 186/2020/QĐXXST-HS ngày 19/6/2020 đối với các bị cáo:

1. Trịnh Ngọc Đ, Sinh ngày 05/10/1980, tại tỉnh Đắk Lắk.

Nơi cư trú: Hẻm 200 Y, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Trịnh H và bà Dương Thị H, sinh năm 1924; Bị cáo có vợ Trần Thị V, sinh năm 1985, có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2010, con nhỏ nhất sinh năm 2014; Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 04/12/2019 đến ngày 13/12/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn, cấm đi khỏi nơi cư trú hiện tại ngoại; Có mặt tại phiên tòa.

2. Bùi Ngọc B, Sinh ngày 17/10/1987, tại tỉnh Quảng Bình.

Nơi cư trú: Liên gia 64, tổ 7, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Nghề nghiệp: Cán bộ viên chức, là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam (Đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng); Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Bùi Đức T, sinh năm 1952 và bà Trương Thị N, sinh năm 1960; Bị cáo có vợ là Trương Thị T; có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2011, con nhỏ nhất sinh năm 2019; Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 04/12/2019 đến ngày 13/12/2019, được thay đổi biện pháp ngăn chặn, cấm đi khỏi nơi cư trú hiện tại ngoại; Có mặt tại phiên tòa.

3. Lâm Đ, (tên gọi khác: C), Sinh ngày 03/6/1992, tại tỉnh Đắk Lắk.

Nơi cư trú: Buôn H, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Lâm D, sinh năm 1959 và bà Nguyễn Thị H (đã chết); Bị cáo có vợ là Đoàn Thị Hải Y; Có 01 con sinh năm 2016; Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 04/12/2019 đến ngày 13/12/2019, được thay đổi biện pháp ngăn chặn, cấm đi khỏi nơi cư trú hiện tại ngoại; Có mặt tại phiên tòa.

4. Nguyễn Ngọc T, Sinh ngày 02/10/1982, tại tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: Thôn 4, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1954 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1956; Bị cáo có vợ là Bùi Thị Ánh H; Có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2001, con nhỏ nhất sinh năm 2006; Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú hiện tại ngoại; Có mặt tại phiên tòa.

5. Nguyễn Thanh T, Sinh ngày 01/12/1979, tại tỉnh Đắk Lắk.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Chỗ ở hiện nay: Buôn H, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hóa: 04/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Nguyễn H, sinh năm 1955 và bà L, sinh năm 1963; Bị cáo có vợ là Võ Kiều N; Có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2005, con nhỏ nhất sinh năm 2012; Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú hiện tại ngoại; Có mặt tại phiên tòa.

6. Phạm Thị N, Sinh ngày 04/5/1985, tại tỉnh Đắk Lắk.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Chỗ ở hiện nay: Buôn H, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hóa: 05/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Phạm Thanh T, sinh năm 1940 và bà Lương Thị C, sinh năm 1948; Bị cáo sống chung như vợ chồng với người đàn ông tên Đ (chưa xác minh được

nhân thân, lai lịch); Có 01 con sinh năm 2012; Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 04/12/2019 đến ngày 13/12/2019, được thay đổi biện pháp ngăn chặn, cấm đi khỏi nơi cư trú hiện tại ngoại; Có mặt tại phiên tòa.

Người chứng kiến: Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1984; Nơi cư trú: Buôn H, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 04 tháng 12 năm 2019, Bùi Ngọc B, Lâm Đ, Nguyễn Ngọc T và Nguyễn Thanh T đến quán cà phê Thanh N, tại địa chỉ: Buôn H, xã E, thành phố B do Phạm Thị N làm chủ, để uống cà phê. Sau đó, T đi đón Đ, còn B, Đ và T rủ nhau đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức chơi bài Cào Liêng và thỏa thuận mỗi người phải đặt chón số tiền là 2.000.000 đồng, khi bắt đầu chơi con bạc phải bỏ ra tiền đường là 50.000 đồng/ván gọi là tiền “đi mậu”, con bạc có thể đặt tiền âm thấp nhất là 50.000 đồng, cao nhất thì tùy ý và nếu người nào thắng mỗi ván từ 600.000 đồng trở lên, thì phải bỏ ra số tiền là 50.000 đồng tiền xâu để trên phản, đưa cho chủ quán là Phạm Thị N để được sử dụng địa điểm đánh bạc và được N cung cấp bài Tú Lơ Khơ, nước uống, thuốc lá, phục vụ cho việc đánh bạc, nếu số tiền xâu còn dư N sẽ được hưởng lợi, thì cả nhóm đồng ý. Sau đó, Nhân lấy 02 bộ bài Tú Lơ Khơ, loại 52 lá để trên một chiếc chiếu có hoa văn màu vàng đỏ, được trải sẵn trên một tấm phản bằng gỗ, để B, Đ và T đánh bạc. Đến khoảng 15 giờ 20 phút cùng ngày, Nguyễn Ngọc T, Trịnh Ngọc Đ đi đến quán cà phê Thanh N để uống cà phê và cùng tham gia đánh bạc liên tục nhiều ván. Khi tham gia đánh bạc B đem theo số tiền 3.500.000 đồng, Đ đem theo số tiền 7.400.000 đồng, Đ đem theo số tiền 1.400.000 đồng, dùng hết để đánh bạc, T đem theo số tiền 6.650.000 đồng và dùng số tiền 650.000 đồng vào việc đánh bạc và T đem theo số tiền 500.000 đồng và dùng số tiền 100.000 đồng vào việc đánh bạc.

Quá trình đánh bạc, Đ thua hết tiền nên mượn B số tiền 1.500.000 đồng để tiếp tục đánh bạc, còn T trả cho Đ số tiền 6.000.000 đồng nợ trước đó, rồi lần lượt T và T ra về trước. Đến khoảng 17 giờ 40 phút cùng ngày, Bùi Ngọc B, Trịnh Ngọc Đ và Lâm Đ đang đánh bạc được thua bằng tiền, dưới hình thức Cào Liêng, còn Phạm Thị N đứng xem, thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, phát hiện bắt quả tang, thu giữ trên sòng bạc gồm: Số tiền 11.850.000 đồng, trong đó có 450.000 đồng tiền xâu; 02 bộ bài Tú Lơ Khơ loại 52 lá; 01 chiếc chiếu có hoa văn màu vàng đỏ, kích thước (1,8 x 2)m; 01 tấm phản bằng gỗ, màu đỏ nâu, kích thước (1,7 x 3,1 x 0,15)m, là công cụ và tiền sử dụng vào việc đánh bạc.

Tạm giữ của Lâm Đ: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, màu vàng hồng, số imei: 354434063100823; 01 chiếc máy tính bảng nhãn hiệu Samsung Galaxy Tab A, màu đen, số imei: 359667097562014 và 01 xe Mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade, màu đỏ đen, biển số: 47K1-250.07.

Tạm giữ của Bùi Ngọc B: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7 Prime, màu bạc, số imei: 353416086065951; 01 xe Mô tô nhãn hiệu Daemod, màu xám đen, biển số: 73N6-9547; 01 chiếc ví da và số tiền 1.000.000 đồng.

Tạm giữ của Trịnh Ngọc Đ: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, màu xám, số imei: 352089071747973 và số tiền 6.000.000 đồng.

Tạm giữ của Phạm Thị N: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo 1723, màu vàng, số imei: 868490036662017.

Tại bản Cáo trạng số: 161/CT-VKST. BMT ngày 28/5/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột truy tố các bị cáo Phạm Thị N, Trịnh Ngọc Đ, Bùi Ngọc B, Lâm Đ, Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Thanh T về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo Trịnh Ngọc Đ khai nhận: Hành vi phạm tội của bị cáo như bản cáo trạng nêu là đúng, vào chiều ngày 04/12/2019, khi bị cáo cùng bị cáo T thấy các bị cáo Lâm Đ, Bùi Ngọc B và Nguyễn Thanh T đang ngồi đánh bạc thì bị cáo cùng bị cáo T đi đến cùng tham gia đánh bạc với cả nhóm. Khi tham gia đánh bạc, bị cáo Đ đem theo số tiền 7.400.000 đồng, dùng hết để đánh bạc và chơi liên tục nhiều ván có ván thắng, ván thua. Đến khoảng 17 giờ 40 phút cùng ngày, bị cáo Đ, bị cáo Bùi Ngọc B và bị cáo Lâm Đ đang đánh bạc được thua bằng tiền, dưới hình thức Cào Liêng, còn Phạm Thị N đứng xem, thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, phát hiện bắt quả tang, thu giữ trên sòng bạc gồm: Số tiền 11.850.000 đồng, 02 bộ bài Tú Lơ Khơ loại 52 lá; 01 chiếc chiếu có hoa văn màu vàng đỏ, kích thước, 01 tấm phản bằng gỗ. Tạm giữ trên người của bị cáo Đ: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, màu xám, số imei: 352089071747973 và số tiền 6.000.000 đồng không dùng vào việc đánh bạc. Quá trình đánh bạc bị cáo Đ thua số tiền 800.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo Bùi Ngọc B khai nhận: Hành vi phạm tội của bị cáo như bản cáo trạng nêu trên là đúng vào chiều ngày ngày 04 tháng 12 năm 2019, tại quán cà phê của bị cáo N, bị cáo tham gia đánh bạc cùng các bị cáo T, T, Đ. Khi tham gia đánh bạc, bị cáo B đem theo số tiền 3.500.000 đồng, dùng hết để đánh bạc và chơi liên tục nhiều ván có ván thắng, ván thua. Đến khoảng 17 giờ 40 phút cùng ngày, khi bị cáo B, bị cáo Trịnh Ngọc Đ và bị cáo Lâm Đ đang đánh bạc được thua bằng tiền, dưới hình thức Cào Liêng, còn Phạm Thị N đứng xem, thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, phát hiện bắt quả tang, thu giữ trên sòng bạc gồm: Số tiền 11.850.000 đồng, 02 bộ bài Tú Lơ Khơ; 01 chiếc chiếu, 01 tấm phản bằng gỗ. Tạm giữ của bị cáo: 01 chiếc điện thoại di động, 01 chiếc ví da màu nâu và số tiền 1.000.000 đồng dùng để đánh bạc và 01 xe Mô tô, quá trình đánh bạc bị cáo B thua số tiền 1.000.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo Lâm Đ khai nhận: Hành vi phạm tội của bị cáo như bản cáo trạng nêu trên là đúng, vào chiều ngày 04 tháng 12 năm 2019, bị cáo Đ đem theo số tiền 1.400.000 đồng, dùng hết để đánh bạc và chơi liên tục nhiều ván có ván thắng, ván thua. Quá trình đánh bạc bị cáo Đ thắng số tiền 1.500.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Ngọc T khai nhận: Hành vi phạm tội của bị cáo như bản cáo trạng nêu trên là đúng, vào chiều ngày 04/12/2019, bị cáo T đem theo số tiền 6.650.000 đồng, dùng số tiền 650.000 đồng để đánh bạc và chơi liên tục nhiều ván có ván thắng, ván thua. Quá trình đánh bạc, T trả cho bị cáo Đ số tiền 6.000.000 đồng, là tiền nợ Đ trước đó. Sau đó, bị cáo T ra về trước còn bị cáo T thua hết tiền nên cũng ra về. Ngày 05 tháng 02 năm 2020, bị cáo T đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đầu thú.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Phạm Thị N khai nhận: Hành vi phạm tội của bị cáo như bản cáo trạng nêu trên là đúng, vào chiều ngày 04 tháng 12 năm 2019, tại quán cà phê của bị cáo tại Buôn H, xã E, thành phố B, có bị cáo Đ, bị cáo B và bị cáo T đến uống cà phê. Tại đây, bị cáo Đ, B và T rủ nhau đánh bạc dưới hình thức Cào Liêng được thua bằng tiền, thỏa thuận nếu người nào thắng mỗi ván từ 600.000 đồng trở lên, thì phải bỏ ra số tiền là 50.000 đồng tiền xu, đưa cho bị cáo N để được sử dụng địa điểm đánh bạc và được bị cáo N cung cấp bài Tú Lơ Khơ, nước uống, thuốc lá, phục vụ cho việc đánh bạc, nếu số tiền xu còn dư bị cáo N sẽ được hưởng lợi. Sau đó, bị cáo N lấy 02 bộ bài Tú Lơ Khơ loại 52 quân để trên chiếc chiếu có hoa văn màu vàng đỏ trải sẵn trên tấm phản gỗ màu đỏ nâu trong phòng khách của quán cà phê để bị cáo Đ, B và T cùng đánh bạc. Quá trình đánh bạc có Đ bị cáo T đi đến tham gia đánh bạc cùng. Đến khoảng 17 giờ 40 phút cùng ngày, khi bị cáo Đ, B và Đ đang đánh bạc, còn bị cáo N đứng xem, thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, phát hiện bắt quả tang, thu giữ trên sòng bạc gồm: Số tiền 11.850.000 đồng, 02 bộ bài Tú Lơ Khơ loại 52 lá, 01 chiếc chiếu, 01 tấm phản bằng gỗ và tạm giữ trên người của bị cáo N 01 chiếc điện thoại di động.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thanh T khai nhận: Hành vi phạm tội của bị cáo như bản cáo trạng nêu trên là đúng, vào chiều ngày 04 tháng 12 năm 2019, bị cáo T có đánh bạc với các bị cáo B, T, Đ, Đ tại quán cà phê của bị cáo N. Khi tham gia đánh bạc, bị cáo T đem theo số tiền 500.000 đồng, dùng số tiền 100.000 đồng để đánh bạc và chơi liên tục nhiều ván, khi bị cáo T thắng được số tiền 100.000 đồng rồi ra về trước. Ngày 07 tháng 5 năm 2020, bị cáo T đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đầu thú.

Quá trình điều tra người chứng kiến bà Hoàng Thị T khai nhận: Vào chiều ngày 04 tháng 12 năm 2019 tại quán cà phê Thanh N tại buôn H, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk bà T có chứng kiến việc cơ quan Công an thành phố B bắt quả tang các bị cáo Đ, B, Đ, N có hành vi đánh bạc và thu giữ số tiền 11.850.000 đồng và các vật chứng theo quy định.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 1, khoản 2 Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trịnh Ngọc Đ mức án từ 12 đến 15 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, khoản 2 Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Thị N mức án tù 09 đến 12 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T mức án tù 06 đến 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng.

Xử phạt bị cáo Lâm Đ mức án tù 09 đến 12 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T mức án tù 06 đến 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s, v khoản 1 Điều 51, khoản 1, khoản 2 Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Bùi Ngọc B mức án tù 09 đến 12 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng.

Các biện pháp tư pháp:

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 12.850.000 đồng, trong đó số tiền tạm giữ trên sông là 11.850.000 đồng và số tiền tạm giữ trên người bị cáo Bùi Ngọc B là 1.000.000 đồng; 01 tấm phản bằng gỗ, là tiền và công cụ các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc.

Truy thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 200.000 đồng của bị cáo Nguyễn Thanh T sử dụng vào việc đánh bạc.

Truy thu của bị cáo Phạm Thị N số tiền 8.208.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

Tịch thu tiêu huỷ 02 bộ bài Tú Lơ Khơ; 01 chiếc chiếu là các công cụ các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc.

Chấp nhận việc cơ quan cảnh sát điều tra trả lại 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 và số tiền 6.000.000 đồng cho bị cáo Đ; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7 Prime, 01 chiếc ví da màu nâu và 01 xe Mô tô nhãn hiệu Daemod, biển số: 73N6-9547 cho bị cáo B; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, 01 chiếc máy tính bảng nhãn hiệu Samsung Galaxy Tab A, 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade, biển số: 47K1-250.07 cho bị cáo Đại; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo 1723 của bị cáo N.

Các bị cáo đồng ý với luận tội của Kiểm sát viên và không tranh luận, đối đáp gì với đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

Tại phần lời nói sau cùng các bị cáo tỏ thái độ ăn năn, hối cải và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo Trịnh Ngọc Đ, Bùi Ngọc B, Lâm Đ, Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Thanh T và Phạm Thị N tại phiên tòa về cơ bản là phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan Điều tra, phù hợp với lời khai của người chứng kiến và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Xét hành vi của các bị cáo Trịnh Ngọc Đ, Bùi Ngọc B, Lâm Đ, Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Thanh T đánh bạc trái phép dưới hình thức chơi bài Liêng được thua bằng tiền là phạm tội “Đánh bạc”, hành vi của bị cáo Phạm Thị N cho các bị cáo mượn địa điểm và cung cấp dụng cụ dùng vào việc đánh bạc để thu tiền xấu là đồng phạm về tội “Đánh bạc”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Tại Điều 321 của Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật giá trị từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2.....

[3] Xét tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo không những đã xâm phạm đến trật tự công cộng mà còn gây nên những ảnh hưởng xấu đến trật tự, trị an tại địa phương. Các bị cáo nhận thức được rằng pháp luật nghiêm cấm việc đánh bạc trái phép, sát phạt nhau bằng tiền hoặc hiện vật dưới mọi hình thức, mọi hành vi vi phạm đều bị trừng trị. Tệ nạn đánh bạc còn là nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm khác. Nhưng do ý thức coi thường pháp luật và vì động cơ vụ lợi nên vào chiều ngày 04/12/2019 các bị cáo đã rủ rê nhau đánh bạc trái phép bằng hình thức chơi bài Liêng, được thua bằng tiền. Bị cáo Phạm Thị N cho các bị cáo khác mượn địa điểm và cung cấp các dụng cụ dùng vào việc đánh bạc để sát phạt nhau. Cho nên đối với các bị cáo phải áp dụng mức hình phạt nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo để cải tạo, giáo dục các bị cáo và góp phần răn đe, phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[4] Trong vụ án này có nhiều bị cáo tham gia, vai trò và mức độ phạm tội của các bị cáo là khác nhau nên cần phân hóa để áp dụng mức hình phạt cho phù hợp, bị cáo Trịnh Ngọc Đ bỏ ra số tiền dùng vào việc đánh bạc là 7.400.000 đồng nên mức hình phạt là nghiêm khắc nhất, bị cáo Bùi Ngọc B bỏ ra số tiền dùng vào việc đánh bạc là 3.500.000 đồng nên mức hình phạt của bị cáo cũng nghiêm khắc nhưng thấp hơn bị cáo Đ và cao hơn các bị cáo Đ, T, T, N. Bị cáo Lâm Đ bỏ ra số tiền dùng vào việc đánh bạc là 1.400.000 đồng nên mức hình phạt của bị cáo thấp hơn bị cáo B và cao hơn các bị cáo T, T, N. Đối với bị cáo Nguyễn Ngọc T bỏ ra số tiền dùng vào việc đánh bạc là 650.000 đồng, bị cáo Nguyễn Thanh T bỏ ra số tiền dùng vào việc đánh bạc là 100.000 đồng và bị cáo Phạm Thị N cho các bị cáo mượn địa điểm và cung cấp dụng cụ dùng vào việc đánh bạc nhưng tính chất và mức độ phạm tội của các bị cáo T, T, N là ngang nhau nên áp dụng mức hình phạt đối với các bị cáo bằng nhau và thấp hơn bị cáo Đ, B, Đ là phù hợp.

[5] Tuy nhiên, xét thấy các bị cáo là người có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, đều xuất phát từ thành phần nhân dân lao động, hành vi phạm tội là bộc phát, tức thời. Sau khi phạm tội tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, các bị cáo Phạm Thị N, Lâm Đ đều có bố đẻ là người có công với cách mạng, bị cáo Nguyễn Thanh T, Nguyễn Ngọc T sau khi phạm tội đã ra đầu thú, bị cáo Bùi Ngọc B có thành tích xuất sắc trong công tác. Đây là, những tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điều 51 của bộ luật hình sự nên cần xem xét trong quá trình lượng hình để giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt nhằm thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật Nhà nước. Xét thấy, các bị cáo đều là người có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, phạm tội lần đầu và tập trung nhiều tình tiết giảm nhẹ nên có căn cứ để chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà có thể cho các bị cáo được tự cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát của chính quyền địa phương và gia đình quản lý, giáo dục cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo đều có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng:

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 12.850.000 đồng, trong đó số tiền tạm giữ trên chiếu bạc là 11.850.000 đồng và số tiền tạm giữ trên người bị cáo Bùi Ngọc B là 1.000.000 đồng; 01 tấm phản bằng gỗ, là tiền và công cụ các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

Truy thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 200.000 đồng của bị cáo Nguyễn Thanh T, trong đó 100.000 đồng tiền dùng đánh bạc và 100.000 đồng tiền thắng khi đánh bạc.

Tịch thu, tiêu hủy 02 bộ bài Tú Lơ Khe loại 52 lá; 01 chiếc chiếu có hoa văn màu vàng đỏ, kích thước (1,8 x 2)m, là các công cụ các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội. (Số lượng, đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày

18/5/2020 giữa Cơ quan cảnh Sát điều tra Công an thành phố B và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B).

Đối với, địa điểm tại phòng khách của căn nhà nằm trên thửa đất số 176A, tờ bản đồ số 30, địa chỉ: Buôn H, xã E, thành phố B, có diện tích $(1,7 \times 3,1)m = 5,27 m^2$, mà các bị cáo sử dụng làm địa điểm đánh bạc là tài sản thuộc quyền sở hữu của bị cáo Phạm Thị N. Tại bản kết luận định giá tài sản số: 15/KLĐG ngày 12 tháng 02 năm 2020, của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B, kết luận: Diện tích cần định giá $(1,7 \times 3,1)m = 5,27 m^2$ có kết cấu như sau: Móng xây đá hộc, tường xây gạch 100, nền lát gạch Ceramic 400 x 400, trần đóng thạch cao, mái lợp tôn thiết, xây dựng năm 2012, chất lượng còn lại 50%, trị giá: $5,27 m^2 \times (3.060.000 \text{ đồng/ } m^2 + 219.000 \text{ đồng/ } m^2 - 164.000 \text{ đồng/ } m^2) \times 50\% = 8.208.000 \text{ đồng}$. Do vậy, truy thu của bị cáo Phạm Thị N số tiền 8.208.000 đồng là giá trị của căn phòng trên để sung ngân sách Nhà Nước.

Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát Điều tra công an thành phố B trả lại 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 và số tiền 6.000.000 đồng cho bị cáo Điệp; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7 Prime, 01 chiếc ví da màu nâu và 01 xe Mô tô nhãn hiệu Daemod, biển số: 73N6-9547 cho bị cáo B; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, 01 chiếc máy tính bảng nhãn hiệu Samsung Galaxy Tab A, 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade, biển số: 47K1-250.07 cho bị cáo Đ; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo 1723 của bị cáo N vì không liên quan đến hành vi phạm tội là phù hợp.

[8] Về án phí: Các bị cáo Trịnh Ngọc Đ, Bùi Ngọc B, Lâm Đ, Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Thanh T và Phạm Thị N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Các bị cáo Trịnh Ngọc Đ, Bùi Ngọc B, Lâm Đ, Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Thanh T và Phạm Thị N phạm tội “Đánh bạc”.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 1, khoản 2 điều 65 của Bộ luật hình sự.

1. Xử phạt: Bị cáo Trịnh Ngọc Đ 12 (mười hai) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 (hai bốn) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s,v khoản 1 Điều 51, khoản 1, khoản 2 Điều 65 của Bộ luật hình sự.

2. Xử phạt: Bị cáo Bùi Ngọc B 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, khoản 2 Điều 65 của Bộ luật hình sự.

3. Xử phạt: Bị cáo Lâm Đ 07 (bảy) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 14 (mười bốn) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

4. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Ngọc T 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

5. Xử phạt: Bị cáo Phạm Thị N 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

6. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thanh T 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trịnh Ngọc Đ cho Ủy ban nhân dân phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Giao bị cáo Bùi Ngọc B cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Giao các bị cáo Lâm Đ, Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Thanh T và Phạm Thị N cho Ủy ban nhân dân xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án cho hưởng án treo.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 12.850.000 đồng, 01 tấm phản bằng gỗ, là tiền và công cụ các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

Truy thu số tiền 200.000 đồng của bị cáo Nguyễn Thanh T sung vào ngân sách Nhà nước.

Truy thu của bị cáo Phạm Thị N số tiền 8.208.000 đồng là giá trị của căn phòng sử dụng vào việc đánh bạc để sung ngân sách Nhà nước.

Tịch thu, tiêu hủy 02 bộ bài Tú Lơ Khơ loại 52 lá; 01 chiếc chiếu có hoa văn màu vàng đỏ, kích thước (1,8 x 2)m, là các công cụ các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội. (Số lượng, đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 18/5/2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B).

Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố B trả lại 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 và số tiền 6.000.000 đồng cho bị cáo Đ; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7 Prime, 01 chiếc ví da màu nâu và 01 xe Mô tô nhãn hiệu Daemod, biển số: 73N6-9547 cho bị cáo B; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, 01 chiếc máy tính bảng nhãn hiệu Samsung Galaxy Tab A, 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade, biển số: 47K1-250.07 cho bị cáo Đ; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo 1723 của bị cáo N vì không liên quan đến hành vi phạm tội.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Trịnh Ngọc Đ, Bùi Ngọc B, Lâm Đ, Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Thanh T và Phạm Thị N mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKS TP. BMT;
- Chi cục THA TP. B;
- Công an TP. B;
- VKS tỉnh Đắk Lắk;
- TA tỉnh Đắk Lắk;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo, đương sự;
- Lưu HS vụ án, VPCQ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Đình Thanh